TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12/2020**/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2020
V/v "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Kim Thoa**
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Tấn Đấu
2. Ông Trịnh Phước Đức
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Ông Lương Quang Thanh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 231/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05/07/2019 về việc: *"Xin ly hôn và nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2020, giữa các đương sự:

*** <u>Nguyên đơn</u>: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970**
*** <u>Bị đơn</u>: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1970**
Cùng địa chỉ: Ấp R, xã H, Phú Quốc, Kiên Giang
(Ông T và bà T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín
Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoài T – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phú Quốc
(Đại diện Ngân hàng có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

<u>Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày</u>:

- Về hôn nhân: Ông T và bà Vũ Thị T1 tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau từ năm 1996. Hai người có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Trong quá trình chung sống ông T và bà T1 có với nhau 02 người con chung tên Trần Thủy T, sinh ngày 29/01/1998 và Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 20/3/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 cuộc sống vợ chồng luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất hòa và cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông T và bà T1 đã sống ly thân từ năm 2018. Ông T không còn tình cảm vợ chồng và không muốn chung sống với bà T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

- Về con chung: Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Mỹ P, sinh năm 2005 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Thủy T đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Tài sản chung thì ông T và bà T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung ông T và bà T1 không nợ chung bất cứ cá nhân hay tổ chức tín dụng nào và cũng không ai nợ ông, bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên thời gian chung sống, bà T1 có tự vay của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 50 triệu để kinh doanh, trong khi chờ Tòa án giải quyết ly hôn và ngân hàng có thông báo nên ông T đã trả hết số nợ trên cho ngân hàng, ngoài ra ông T và bà T1 không còn nợ bất cứ cá nhân hay tổ chức tín dụng nào và cũng không ai nợ ông, bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

<u>Theo bản tự khai, bị đơn bà Vũ Thị T1 trình bày</u>:

- Về hôn nhân: Bà T1 và ông T yêu thương và tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh từ năm 2002 sau đó chuyển về Phú Quốc sinh sống cho đến nay. Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất hòa, mỗi người mỗi quan điểm không thể hòa hợp và chung sống với nhau thêm nữa nên đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà T1 đồng ý ly hôn với ông T để chấm dứt quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Bà T1 và ông T có với nhau hai người con chung là Trần Thủy T, sinh năm 1998 và Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 20/3/2005. Cháu T đã lớn (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu giải quyết, riêng cháu P thì bà T1 thống nhất giao cho ông T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Về tài sản chung bà T1 và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung thì bà T1 cam kết bà T1 và ông T không có nợ chung, hai người không nợ bất cứ cá nhân hay tổ chức nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt.

<u>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín trình bày</u>: Ngày

10/10/2019, ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập buộc vợ chồng ông T và bà T1 phải trả cho ngân hàng số tiền còn thiếu lại là 44.243.500 đồng, trong đó vốn gốc là 37.675.100 đồng và tiền lãi là 6.568.400 đồng. Đến ngày 11/03/2020, ông T đã trả hết số tiền trên cho ngân hàng nên ngân hàng không còn quyền lợi gì liên quan trong vụ án. Ngân hàng có xin rút yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là ông Trần Văn T, bị đơn là bà Vũ Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông T, bà T1 và ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, ông T và bà T1 đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng giữa ông T và bà T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Ông T và bà T1 không còn chung sống với nhau hơn 01 năm nay, không còn tình cảm với nhau, đời sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên thống nhất ly hôn. Xét thấy hôn nhân của ông T và bà T1 là hôn nhân hợp pháp, hiện nay không còn tình cảm vợ chồng và không muốn sống chung với nhau nữa, xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nên HĐXX chấp nhận cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Vũ Thị T1.

- Về con chung: Cháu Trần Thủy T đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà T1 về việc giao cháu Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 20/3/2005 cho ông T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích chung của con, bà T1 và ông T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Về tài sản chung thì ông T và bà T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về công nợ chung thì ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có đơn yêu cầu độc lập buộc vợ chồng ông T bà T1 trả số tiền còn lại là 44.243.500 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông T đã trả hết số nợ trên cho ngân hàng. Ngoài ra, ông T và bà T1 cam kết không nợ bất cứ cá nhân hay tổ chức tín dụng nào và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ngân hàng TMCP Sài gòn Thương Tín đã rút yêu cầu khởi kiện độc lập với ông T bà T1 do đã trả xong khoản tiền nợ của ngân hàng và không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của ngân hàng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà Vũ Thị T không phải chịu án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được trả lại số tiền 1.110.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006822 ngày 24/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng pháp luật:

- Căn cứ các Điều 28; 35; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 218; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T được ly hôn với bà Vũ Thị T1.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Mỹ P, sinh ngày 20/3/2005 cho ông T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích chung của con, bà T1 và ông T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về công nợ chung: Ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 44.243.500 đồng. Ông T và bà T1 cam kết không nợ bất cứ cá nhân hay tổ chức tín dụng nào và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

3/ Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Vũ Thị T1 không phải chịu án phí. Ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002810 ngày 04/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay được chuyển thành tiền án phí, ông T đã nộp xong án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được hoàn trả số tiền 1.110.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006822 ngày 24/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc.

Án xử công khai, báo cho ông T, bà T1 và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THADS huyện Phú Quốc;
- UBND xã T, Huyện G, tỉnh Tây Ninh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; LưuVP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Thoa